

ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VỚI YÊU CẦU XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VIỆT NAM HIỆN NAY

TRƯƠNG QUỐC CHÍNH*

1. Một số đặc điểm văn hóa truyền thống của nền hành chính nhà nước

1.1. Thể chế làng xã Việt Nam

Từ thế kỷ X trở đi, cùng với sự hưng thịnh của chế độ phong kiến, các công xã nông thôn đã dần bị phong kiến hoá và trở thành các đơn vị xã hội - hành chính cơ sở của chính quyền phong kiến với tên gọi chung là xã (gồm nhiều thôn hay làng). Về mặt hành chính, làng xã là khâu trung gian kết nối các cá thể thành viên cộng đồng với nhà nước. Tất cả chỉ thị, yêu cầu của chính quyền trung ương đến với người dân đều phải qua cấp hành chính trực tiếp (cơ sở) - làng xã. Chính vì vậy, trong truyền thống cộng đồng Việt Nam, thường rất ít những quan hệ trực tiếp giữa cá nhân với cộng đồng lớn, mà chủ yếu là quan hệ trách nhiệm giữa các cấp cộng đồng với nhau; một cá nhân thành viên cộng đồng chỉ có vai trò trong khuôn khổ gia đình họ, do đó, cá nhân luôn bị tan biến trong cộng đồng. Nhiều học giả nhận định rằng, truyền thống cộng đồng làng xã Việt Nam đã tạo ra truyền thống dân chủ làng xã. Điều này đã làm hình thành một phương châm tồn tại, theo đó để duy trì quan hệ cộng đồng, cá nhân phải hoà mình vào tập

thể. Có thể nói, đây là một thuận lợi cho việc cổ kết cộng đồng. Tuy nhiên, cái được gọi là truyền thống dân chủ làng xã ấy, sau đó đã phải nhường chỗ cho những nguyên tắc cứng nhắc được mặc định (chẳng hạn như lệ làng) buộc làng xã phải vận hành theo. Thể chế làng xã có điểm mạnh là tính tự quản, thể hiện ở chỗ: việc các thành viên giám sát lẫn nhau trở thành một yêu cầu tự nhiên và là biện pháp quan trọng để duy trì kỷ cương. Trong mối quan hệ giữa làng xã với chính quyền trung ương, về nguyên tắc, chính quyền trung ương không giao dịch trực tiếp với dân cư ở cộng đồng làng xã, mà quản lý thông qua đại diện của làng xã... Hiện nay, nhà nước pháp quyền và nền hành chính hiện đại đang rất khuyến khích chế độ tự quản của công dân, các tổ chức. Bên cạnh đó, cũng phải nhận thấy một sự thật là, tính tự quản làng xã, rất dễ biến tướng thành tính tự trị.

Một đặc điểm nữa của thể chế làng xã có ảnh hưởng lớn trong vận hành của nền hành chính nhà nước là tính khép kín; điều đó dẫn đến chủ nghĩa cục bộ địa phương, làm cho sự tiếp nhận các quy định của Nhà nước và nền hành chính nhà nước trở nên bê trễ, mang tính hình thức, hoặc bị áp dụng sai lệch về nội dung, bị "uốn" theo quan điểm của địa phương. Trong không

* Tiến sỹ, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

gian làng xã, pháp luật chỉ là thứ yếu, thường là "giải quyết nội bộ". Chính tính khép kín của thể chế làng xã đã làm hình thành nên tình trạng *tự trị, tự phát, phép vua thua lệ làng*, lâu ngày, tình trạng này cũng trở nên một tập quán khá phổ biến trong hệ thống hành chính nhà nước. Đây là nguyên nhân cơ bản của tình trạng phân tán, cục bộ, thiếu thống nhất, thiếu minh bạch trong hoạt động của hệ thống hành chính nói riêng và bộ máy nhà nước nói chung.

Sự tồn tại lâu đời, dai dẳng của thể chế làng xã Việt Nam, bắt nguồn từ chế độ công xã nông thôn, từ tính chất công xã - thị tộc. Đó cũng là căn nguyên sâu xa của tính bảo thủ, khó chấp nhận cái mới, khó tự biến đổi trước sự biến động của hoàn cảnh. Độ chênh giữa lệ làng bất di bất dịch với những biến đổi đời sống vật chất và nội tâm của cá nhân càng ngày càng có một khoảng cách lớn, đến mức, để duy trì những nguyên tắc cứng nhắc, lệ làng bóp nghẹt mọi tiềm năng sáng tạo và ý thức về cái tôi chủ thể của các cá nhân. Nhân cách, tính đa dạng của nhân cách bị tan biến trong cộng đồng làng xã. Điều này cũng là nguồn gốc sâu xa của tình trạng các cơ quan nhà nước, bộ máy hành chính nhà nước rất thiếu tính chủ động và tính tự chịu trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức; đồng thời, cũng phổ biến tình trạng khó quy trách nhiệm cụ thể cho cá nhân công chức.

Sự biến đổi một cách cố ý hay tự phát *tự quản* thành *tự trị* đã sản sinh ra tầng lớp cường hào mới sách nhiễu dân chúng và làm xuyên tạc vai trò, nhiệm vụ của Nhà nước cũng như nền hành chính nhà nước.

Lịch sử nước ta đã cho thấy, sự tự quản theo "lệ" mà không dựa vào "luật" đã dẫn đến sự giãn cách giữa Trung ương và địa phương, tạo điều kiện cho các hoạt động tùy tiện của đội ngũ kỳ hào, kỳ mục biến chất, biến cơ quan hành chính nhà nước thành của riêng và tự tung tự tác tùy theo ý mình, có "quyền sinh", "quyền sát" đối với dân chúng.

1.2. Tính cách người Việt

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra, do những điều kiện địa lý - tự nhiên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nền văn minh lúa nước, nên cho đến nay, ba đặc điểm lớn của người Việt Nam vẫn là: kinh tế nông nghiệp, cư dân nông dân, xã hội nông thôn. Những căn tính nông dân, những đặc trưng của xã hội nông nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến tất cả mọi truyền thống Việt Nam¹. Tính cách người Việt bắt nguồn từ "nền văn minh lúa nước", có những đặc điểm tích cực. Đó là khả năng đối phó rất linh hoạt với mọi tình thế, ứng xử mềm dẻo; tinh thần đoàn kết, cố kết cộng đồng, tạo sức mạnh, vượt khó khăn; giản dị, chất phác, ghét cầu kỳ, xa hoa; cần cù, giỏi chịu đựng gian khổ; trọng tuổi tác, trọng người già..., Nhưng bên cạnh đó, cũng có không ít những đặc điểm có ảnh hưởng không tốt, thậm chí là cản trở đối với công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền nói chung và nền hành chính nhà nước nói riêng. Đó là tác phong tùy tiện, thiếu tính kỷ luật; tập tính kém hạch toán, không quen lường tính xa; nặng tâm lý bình quân chủ nghĩa; thiên về giải quyết công việc theo tình mà nhẹ lý, nể nang, nặng tâm lý sống lâu lên lão làng, đề cao chủ nghĩa kinh nghiệm; nặng tư tưởng

bảo thủ đóng cửa, giải quyết nội bộ, kém cầu thị.

Những điểm hạn chế trong tính cách của người Việt đã tạo nên một thực tế là, khi phải đối mặt với trách nhiệm thì họ muốn và coi đó là của tập thể; còn khi được đối mặt với quyền và tự do của bản thân mình thì họ lại coi đó là sự ban phát từ phía cộng đồng, từ phía nhà nước (do đó, tâm lý chờ đợi, thụ động, ngồi chờ nhà nước là tâm lý phổ biến).

1.3. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được thể hiện qua ý thức về dân tộc độc lập và quốc gia có chủ quyền, qua sách lược chống ngoại xâm trong lịch sử... Chủ nghĩa yêu nước là mạch nguồn nuôi dưỡng ý thức tự cường và niềm tự hào dân tộc. Nó tạo ra động lực thúc đẩy các thế hệ người Việt Nam nỗ lực đưa đất nước tiến lên, điều này có ảnh hưởng tích cực và mạnh mẽ không chỉ ở công cuộc giữ nước, mà còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong xây dựng, phát triển, khẳng định vị thế của dân tộc, quốc gia trong khu vực và thế giới. Tuy nhiên, những tàn dư cực đoan của quan niệm phong kiến về lòng yêu nước lại là một trở lực đáng kể đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền. Việc nhấn mạnh một cách cực đoan ý thức tự lập, tự cường tới mức bảo thủ, tự khép mình trước những tác động bên ngoài trong bối cảnh mà mỗi quốc gia chỉ có thể tồn tại trong sự phụ thuộc lẫn nhau, chắc chắn sẽ không thể đưa lại một kết quả tốt. Những quan niệm như vậy đang gây khó khăn cho việc thực thi một tiêu chí phổ

biến của Nhà nước pháp quyền là *phải tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế*, cũng như việc nền hành chính nhà nước ngày càng phải đáp ứng được yêu cầu của hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá nhằm gia nhập được vào "sân chơi" của khu vực và thế giới.

2. Yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

Một là, cần kế thừa có chọn lọc những quan điểm, tư tưởng về xây dựng và tổ chức hoạt động của Nhà nước Việt Nam theo tinh thần kết hợp nhuần nhuyễn, thống nhất biện chứng đường lối "Đức trị" với "Pháp trị". Đây là giá trị tư tưởng đã có của thời kỳ phong kiến độc lập, là "cái gốc" vững chãi mà từ đó có thể "lấy" ra những điều cần thiết cho công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Những giá trị tích cực, tiến bộ của cách thức tổ chức, phương thức hoạt động của Nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập mà trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của dân, do dân, vì dân có thể kế thừa là:

- Phải gắn "Pháp trị" với "Đức trị". Người Việt Nam vốn rất coi trọng đạo đức, nếu xem thường đạo đức sẽ mất lòng dân. Nhưng nếu chỉ chú trọng đạo đức một chiều sẽ dẫn đến tư tưởng trọng tình hơn trọng luật, kỷ cương phép nước không nghiêm. Sự kết hợp hai yếu tố này phải là một đặc thù của việc xây dựng và tổ chức hoạt động của Nhà nước Việt Nam hiện nay.

- Luật pháp phải rõ ràng, đặc biệt là luật tổ chức bộ máy nhà nước ở các địa

phương. Sự kết hợp giữa luật và hương ước làng xã, việc bổ nhiệm, điều hành hệ thống quan lại có nhiều điểm cần nghiên cứu để vận dụng trong điều kiện hiện nay.

Hai là, cần kế thừa những giá trị tiến bộ mà nhân loại đã đạt được trong tổ chức và hoạt động của các nhà nước trên thế giới, đặc biệt là phương thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước trong các nhà nước tư sản hiện đại. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam cũng đã cho thấy nhất thiết cần phải kế thừa các thành tựu tiến bộ của Nhà nước pháp quyền tư sản. Trong thực tế, Nhà nước tư sản hiện đại vẫn là Nhà nước có trình độ tổ chức cao nhất của giai cấp bóc lột. Nó chẳng những đã kế thừa được nhiều tinh túy của các nhà nước trong lịch sử, mà còn được thiết kế cho phù hợp với trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất, phù hợp với kinh tế thị trường. Chính vì vậy, trong việc nghiên cứu vận dụng các lý luận về xây dựng Nhà nước pháp quyền còn cần phải nghiên cứu và vận dụng những kinh nghiệm về cách thức tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước tư sản hiện đại. Những vấn đề cần nghiên cứu, vận dụng là:

- Vấn đề phân lập quyền lực. Trong việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước theo hướng Nhà nước pháp quyền, nguyên tắc phân quyền theo thuyết "tam quyền phân lập" được sử dụng khá rộng rãi. Về hình thức, đó là việc phân chia quyền lực nhà nước thành các nhánh độc lập, được thực hiện bởi các cơ quan độc lập. Theo đó, có vẻ như quyền lực nhà nước thuộc về tất cả các giai cấp, tầng lớp của xã hội, và điều đó được xem là cách tốt nhất để đảm bảo

cho quyền lực nhà nước không bị lạm dụng, tránh hiện tượng cực quyền, độc quyền trong tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước. Trên thực tế, và thực chất, quyền lực nhà nước bao giờ cũng tập trung trước hết trong tay giai cấp cầm quyền. Vì vậy, cho dù các học giả tư sản có cố gắng đưa ra lý thuyết và khẳng định rằng, họ thực hiện trong thực tế việc phân chia quyền lực nhà nước một cách cụ thể, nhưng quyền lực của nhà nước tư sản, xét về bản chất, bao giờ cũng vẫn nằm trong tay giai cấp tư sản cầm quyền. Với hình thức "tam quyền phân lập", nhà nước tư sản hiện nay vẫn không khắc phục được những khuyết tật của bộ máy nhà nước. Tuy nhiên, nhìn nhận một cách khách quan phải thấy rằng, đây là một hình thức tiến bộ của nhà nước tư sản. Vì vậy, không thể hoàn toàn phủ nhận hình thức nhà nước này mà cần phải nghiên cứu toàn bộ cơ chế hoạt động của nó cũng như các hình thức tổ chức của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước tư sản để vận dụng những yếu tố phù hợp với việc xây dựng và tổ chức hoạt động của Nhà nước Việt Nam hiện nay.

"Phân quyền", theo Ph.Ăngghen thì xét cho cùng, không có gì khác hơn là sự phân công lao động thiết thực, được áp dụng trong cơ chế nhà nước. Như vậy, việc không thừa nhận nguyên tắc "tam quyền phân lập" trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước ta, thực chất là không thừa nhận cách quan niệm sai lầm cho rằng "tam quyền phân lập" là phân chia quyền lực nhà nước thành những bộ phận biệt lập để các tập đoàn chính trị khác nhau nắm giữ và qua đó mà kiềm chế, đối trọng lẫn nhau về mức độ nắm giữ quyền lực nhà

nước. Song, đối với bất kỳ nhà nước nào, sự phân công quyền lực vẫn là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất giúp kiểm soát và ngăn chặn sự lạm quyền của các chủ thể nắm giữ quyền lực nhà nước. Khi quyền lực nhà nước tập trung vào một cá nhân hay một nhóm thì sẽ luôn có nguy cơ dẫn đến chủ nghĩa toàn trị hoặc độc tài. Muốn tránh điều này, phải có cơ chế để kiểm soát quyền lực. Do đó, phân quyền, tách biệt rành mạch giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong bộ máy nhà nước có tác dụng không nhỏ đối với việc hạn chế sự độc quyền, chuyên quyền của các cơ quan và các quan chức trong bộ máy nhà nước và đặc biệt là các cơ quan hành chính nhà nước. Ngày nay, phân lập quyền lực - dùng quyền lực để kiểm soát, kiểm chế quyền lực là phương thức phổ biến trong tổ chức và hoạt động của nhà nước tư sản. Theo đó, quyền lực nhà nước có thể được phân chia theo chiều dọc giữa trung ương và địa phương hoặc theo chiều ngang giữa các nhánh riêng biệt: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Sự phân chia như vậy, với việc mỗi nhánh có các chức năng và phạm vi quyền hạn nhất định, sẽ kiểm soát, kiểm chế lẫn nhau, và do đó, có thể ngăn chặn được sự lạm quyền của những chủ thể được giao quyền. Chúng ta có thể so sánh điều này với nguyên tắc: *quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp* (và hiện nay trong Cương lĩnh bổ sung phát triển năm 2011, cũng như trong Văn kiện Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam còn thêm cụm từ rất quan trọng: *và kiểm soát*

trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Việt Nam hiện nay là hoàn toàn hợp lý). Có thể khẳng định, chúng ta hoàn toàn có khả năng, điều kiện áp dụng tinh thần cơ bản (về mặt "kỹ thuật") của sự phân lập quyền lực để thực hiện sự phân công, phân nhiệm, làm cho từng cơ quan có được tính độc lập tương đối cần thiết trong hoạt động của Nhà nước.

- Tinh thần pháp luật và hệ thống tư pháp mạnh mẽ. Trong bất cứ xã hội nào, các quy phạm pháp luật luôn giữ vai trò quan trọng. Đó là những chuẩn mực hành vi và là cơ sở cho việc thiết lập trật tự xã hội. Một trong những đặc điểm lớn của các nhà nước pháp quyền tư sản là sự tồn tại lâu đời và phổ biến của hệ thống những quy phạm pháp luật. Chúng phản ánh và đáp ứng nhu cầu hiện thực của đời sống xã hội. Trong xã hội tư bản, trình độ nhận thức cũng như tinh thần tôn trọng pháp luật của công dân đều ở trình độ cao, thậm chí là đến mức tôn thờ pháp luật. Tuy nhiên, luật pháp chỉ phát huy tác dụng nếu nó được đảm bảo thi hành bởi một hệ thống các thiết chế bảo vệ pháp luật mạnh mẽ. Tinh thần pháp luật của công dân sẽ không tồn tại được lâu nếu pháp chế không đủ mạnh. Trong xã hội hiện đại, hệ thống tư pháp chính thức là nhân tố quan trọng nhất để luật pháp được thực thi có hiệu quả và tinh thần pháp luật của công dân được phát huy mạnh mẽ. Cũng chỉ có nó - hệ thống tư pháp chính thức mới có quyền phán quyết chính thức về tính hợp pháp hay không hợp pháp đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước. Sự phân lập hoặc phân công quyền lực giữa các nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp chỉ thực sự phát

huy được tính hiệu quả khi hệ thống tư pháp có được sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Như vậy, một hệ thống tư pháp thực sự độc lập là điều kiện vô cùng cần thiết và quan trọng của việc tổ chức, xây dựng và hoạt động của Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam hiện nay.

- Bộ máy công chức hiệu quả. Trong các nhà nước tư sản, bộ máy công chức hiệu quả là công cụ vô cùng quan trọng. Nó giữ cho công việc quản lý và các quan hệ xã hội không bị phá vỡ trên cơ sở đảm bảo tính liên tục, ổn định. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, vấn đề cán bộ, công chức nhà nước cũng có một vị trí xứng đáng và được coi là quan trọng nhất của sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Tuy nhiên, để thực sự có được một bộ máy công chức hiệu quả, việc kế thừa, học tập mô hình bộ máy công chức của nhà nước tư sản trên thế giới và trong khu vực là điều cần thiết. Những nghiên cứu về bộ máy công chức của các nước như Mỹ, Nhật Bản, Xingapo gần đây đã khái quát một số nội dung mà chúng ta có thể học tập, kế thừa:

- Trong một nghiên cứu của Mỹ cho thấy, bộ máy công chức là tập hợp của những cá nhân ưu tú của toàn bộ xã hội: 99% công chức hành chính cao cấp nhất đều tốt nghiệp đại học, trong đó có 68% có trình độ cao cấp (44% trong ngành luật, 17% có học vị Thạc sỹ và 11% có học vị Tiến sỹ), 40% công chức hành chính cao cấp nhất đều đã tốt nghiệp các trường đại học danh tiếng như Yale, Harvard, Princeton²...

- Các công chức Nhật Bản được nhà nước trả lương suốt đời, các công chức chỉ được làm việc cố định ở một vị trí bất kỳ tối đa là trong 2 năm, công chức phải liên tục đổi chỗ, nhưng cũng liên tục được tăng lương. Những cơ chế như thế sẽ cho phép các công chức có cơ hội tiếp xúc với nhiều công việc liên quan đến chuyên môn của họ, và nhờ vậy, mà khẳng định được bản thân. Cơ chế đó cũng ngăn chặn hiệu quả nạn tham nhũng vì các công chức không có cơ hội đứng ở một vị trí quá lâu; hơn nữa, còn được bảo đảm bởi một mức lương thoả đáng. Với cơ chế đó, không thể có tư tưởng "sống lâu lên lão làng"; tinh thần trách nhiệm luôn được phát huy ở mức cao nhất vì không ai có thể đổ lỗi của mình cho người khác³.

Ba là, cần tăng cường tự quản trong xây dựng Nhà nước pháp quyền. Trái với cơ chế hành chính mệnh lệnh, trong đó nhà nước phải can thiệp vào hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, thì tự quản sẽ là cách thức tốt để có thể phát huy tính sáng tạo của các cá nhân, tập thể và toàn thể nhân dân lao động. Nếu tạo điều kiện và phát huy tính tự quản này - tính tự quản tích cực, chứ không phải truyền thống "tự trị, tự phát" của các cấp hành chính nhà nước ở địa phương, cơ sở - thì công việc hành chính và chi phí hành chính nhà nước sẽ đơn giản hoá rất nhiều và cũng hiệu lực, hiệu quả hơn rất nhiều. Chính vì vậy, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao văn hoá pháp luật cho nhân dân phải được coi là điều kiện bên trong để phát huy vai trò "tự quản" của nhân dân, của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc tham gia và làm chủ

nhà nước. Sự kết hợp đúng đắn dân chủ và tập trung trong từng thời kỳ là yếu tố quyết định sức mạnh tổ chức và hiệu lực của bộ máy nhà nước. Nó tạo ra sự thống nhất về tổ chức và hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp của cả tập thể và từng cá nhân, của cả nước và từng địa phương. Nó khắc phục nguy cơ tự phát, vô chính phủ, đồng thời phát huy dân chủ, phát huy trách nhiệm và tính năng động sáng tạo của địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và lãnh thổ. Hồ Chí Minh đã nói: “Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ... Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời, phải tập trung đến cao độ để thống nhất lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁴.

Bốn là, cần tăng cường pháp chế, giữ vững trật tự, kỷ cương. Để làm được điều này, Nhà nước phải quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng và theo pháp luật. Pháp luật phải trở thành công cụ điều tiết chủ yếu các quan hệ xã hội cơ bản giữa các giai cấp, các tầng lớp và các tổ chức xã hội. Việc tuân thủ pháp luật phải trở thành nhu cầu nội tại của mọi công dân, mọi tổ chức và cơ quan nhà nước. Pháp luật phải được thi hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Kiên quyết đấu tranh chống tình trạng coi thường pháp luật, coi thường kỷ cương phép nước. Xử lý nghiêm minh những vụ vi phạm pháp luật, trước hết từ trong nội bộ Đảng và từ bên trên. Quá trình xây dựng pháp luật và tăng cường pháp chế cần kết hợp chặt chẽ với việc nâng cao đạo đức, kết hợp chặt chẽ sức mạnh của pháp luật và sức mạnh của đạo đức, tính tự giác trong quá trình quản lý nhà nước và xã hội.

Đây là nguyên tắc chỉ đạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, xuyên suốt quá trình xây dựng và cải cách Nhà nước ta.

Năm là, cần từng bước hoàn thành cơ bản việc phân cấp, phân quyền quản lý hành chính giữa Trung ương với địa phương trên từng ngành, từng lĩnh vực một cách đồng bộ; đồng thời, đảm bảo hiệu lực, quản lý thống nhất, xuyên suốt của Trung ương đối với địa phương, trên cơ sở tăng cường quản lý nhà nước sau phân cấp. Nghiên cứu và tiến hành phân loại đơn vị hành chính các cấp ở địa phương và cơ quan chuyên môn của Ủy ban Nhân dân theo các tiêu chí cơ bản; thí điểm mô hình tổ chức chính quyền đô thị và chính quyền địa bàn nông thôn cho phù hợp với tính chất, đặc điểm và yêu cầu quản lý hành chính nhà nước đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên mỗi loại địa bàn. Nâng cao chất lượng cải cách thể chế, tập trung vào cải cách để thực hiện đơn giản hoá thủ tục hành chính, loại bỏ căn bản các loại giấy phép không cần thiết, công khai các quy định thủ tục hành chính; triển khai, thực hiện cơ chế “một cửa” rộng khắp đối với các cấp hành chính trong cả nước.

Chú thích

1. Xem: Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang (chủ biên), 1996. *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, t.2, Đề tài KX 07.02.
2. Xem: Nguyễn Đăng Thành, 2012. *Chính trị của Chủ nghĩa tư bản - hiện tại và tương lai, "tái bản lần thứ nhất"*, Nxb. Lao động, Hà Nội, tr. 223.
3. Xem: *Sđd*, tr. 223, 224.
4. Hồ Chí Minh, 1996. *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.592.